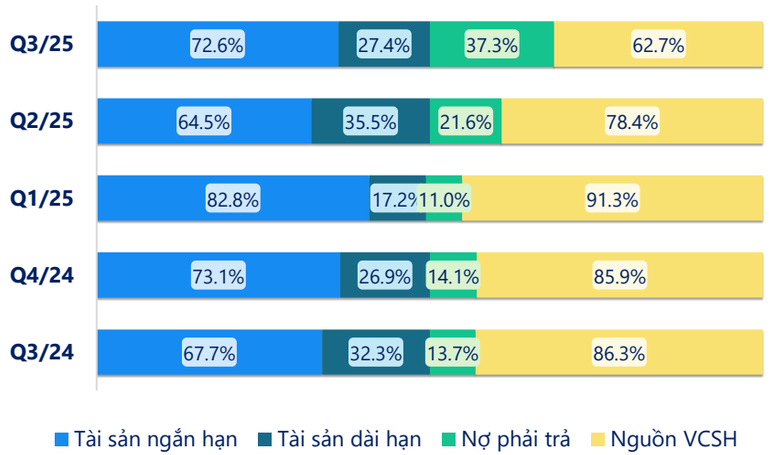
FireAnt

CTCPA Tập đoàn Macstar (HNX: MAC)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	16,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	22,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,420
SL cổ phiếu LH	22,709,408
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,100
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	377
P/E	7.8
EPS	2,138

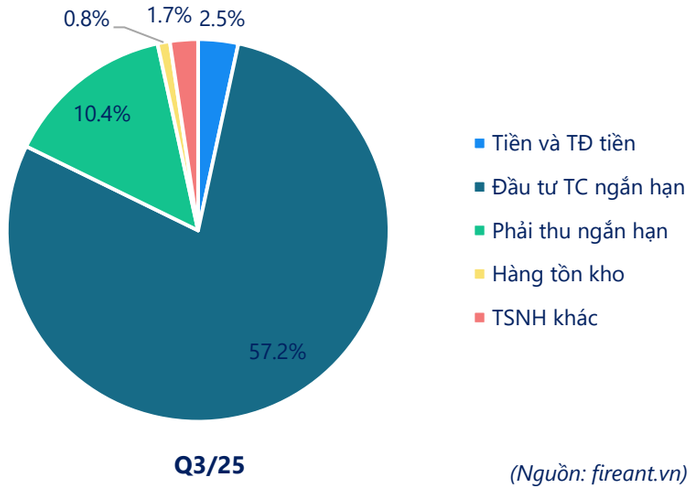
	YTD	1T	3T	6T
MAC	23.0%	-12.2%	-11.2%	13.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



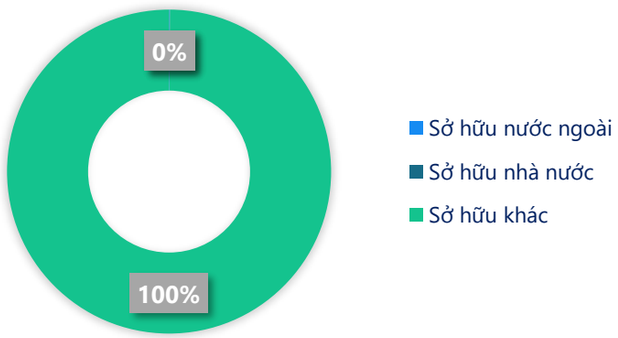
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



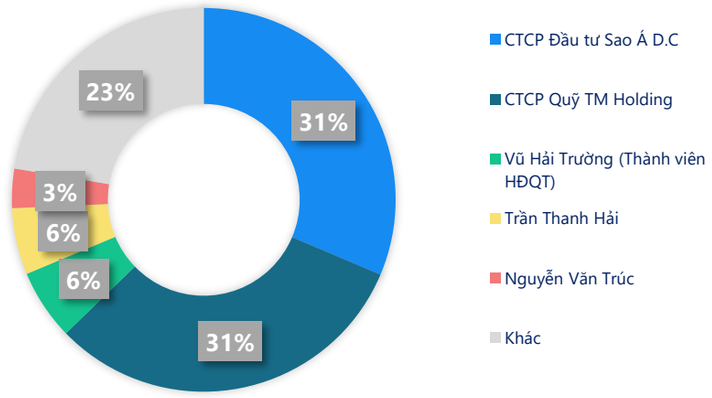
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



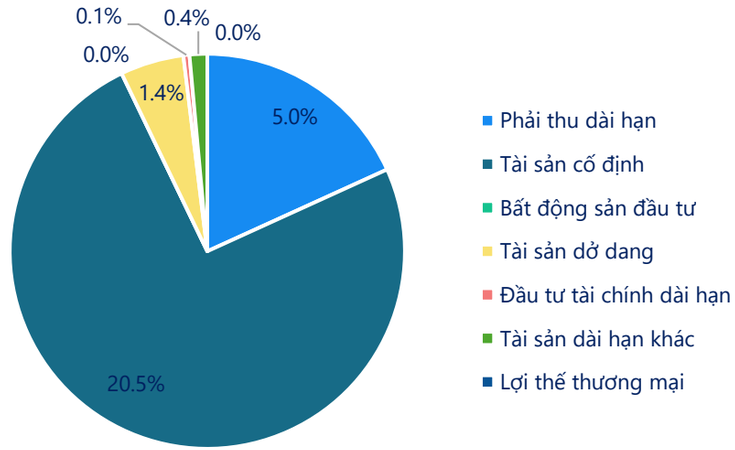
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

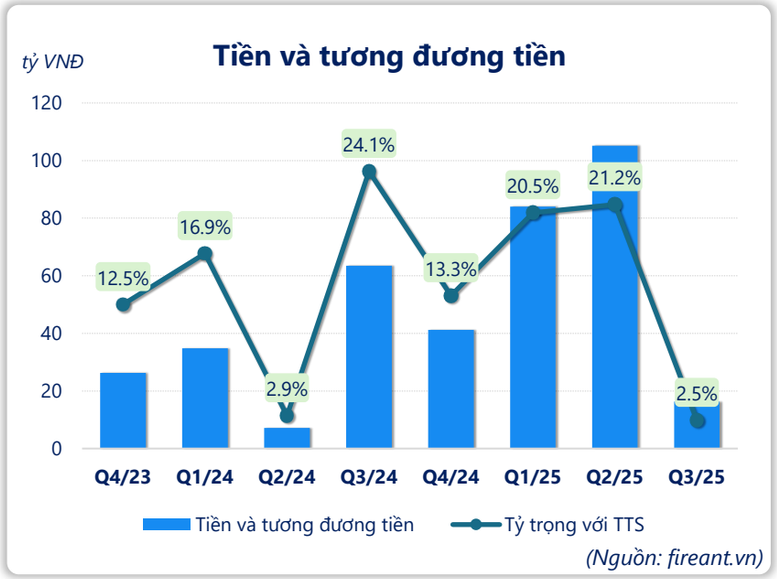
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



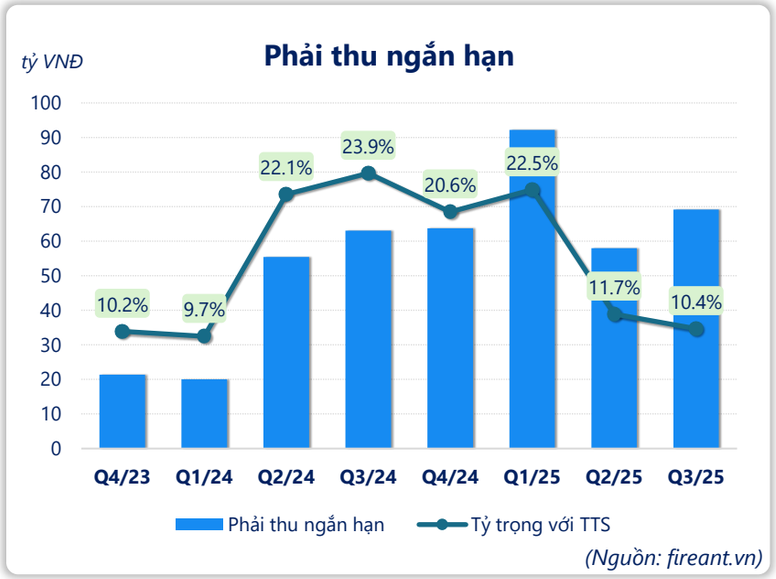
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

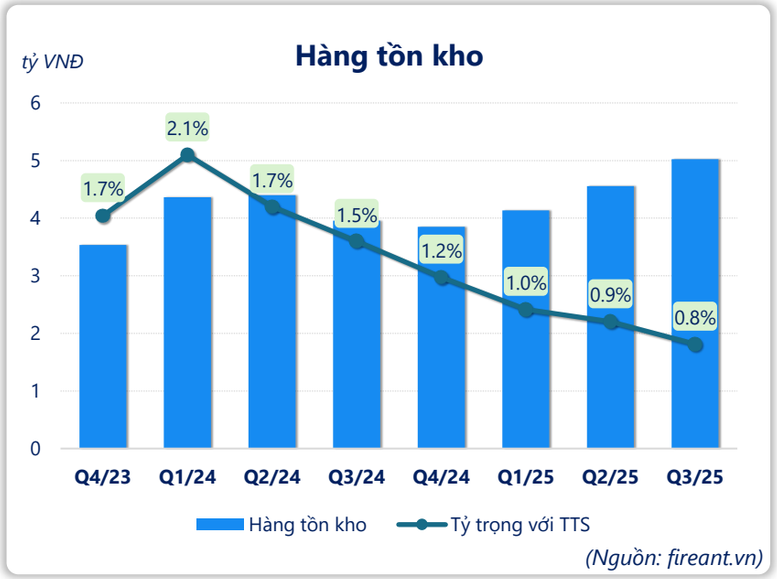
CTCPA Tập đoàn Macstar (HNX: MAC)



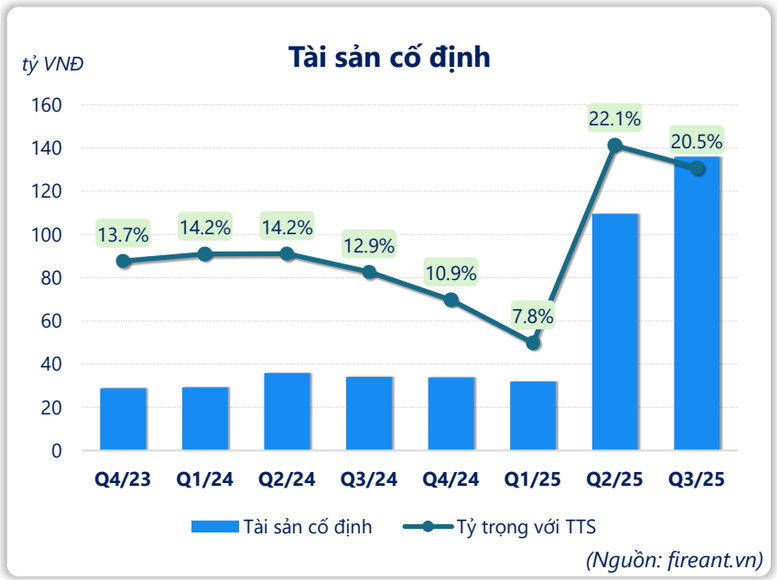
(Nguồn: fireant.vn)



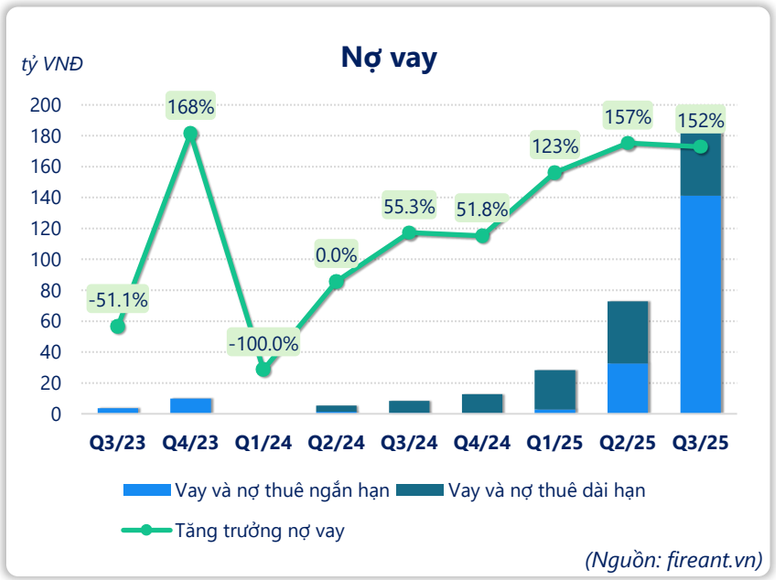
(Nguồn: fireant.vn)



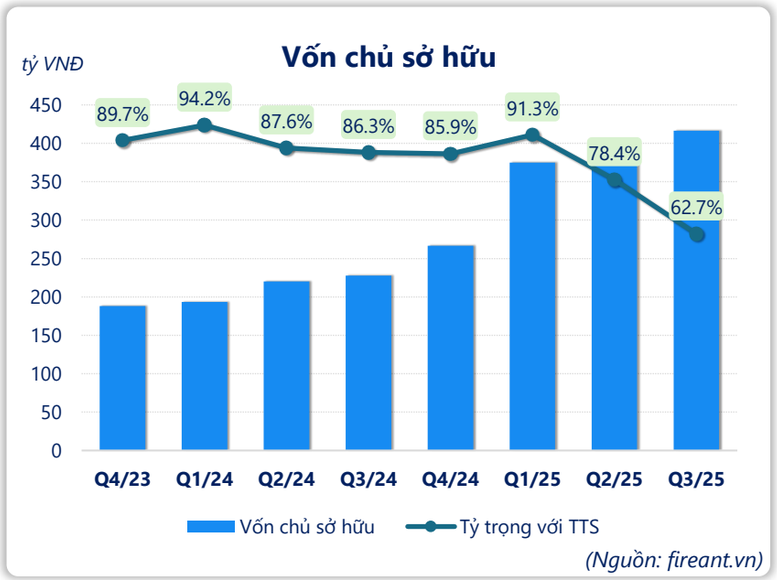
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

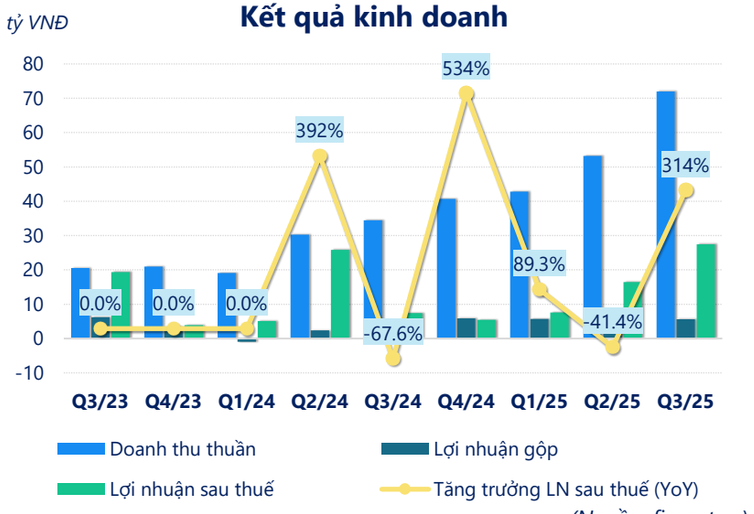


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

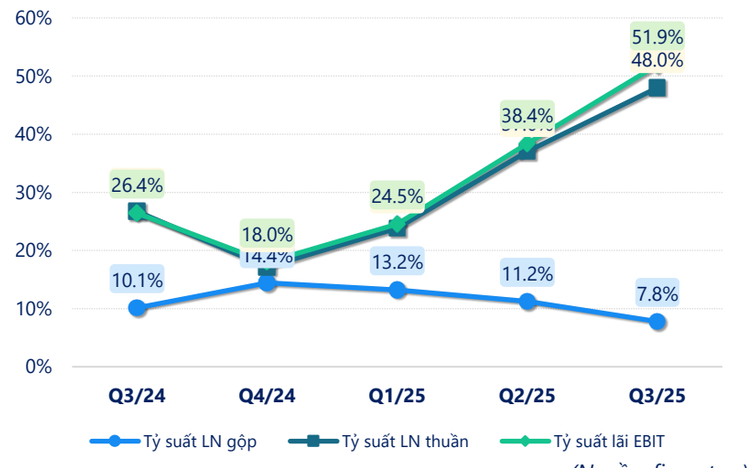
CTCPA Tập đoàn Macstar (HNX: MAC)

Kết quả kinh doanh



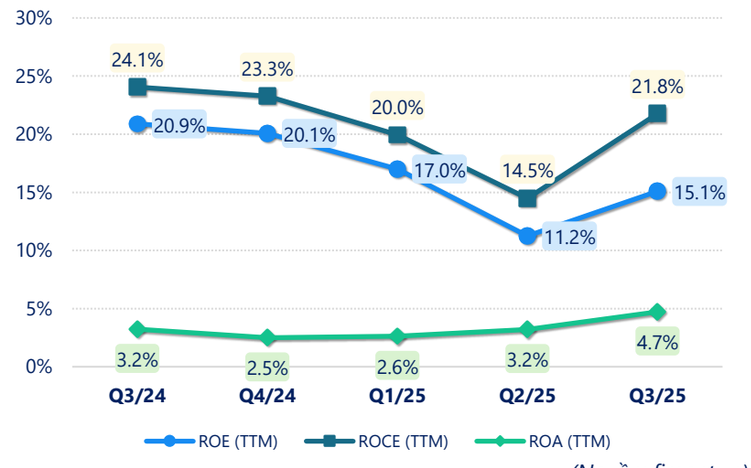
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



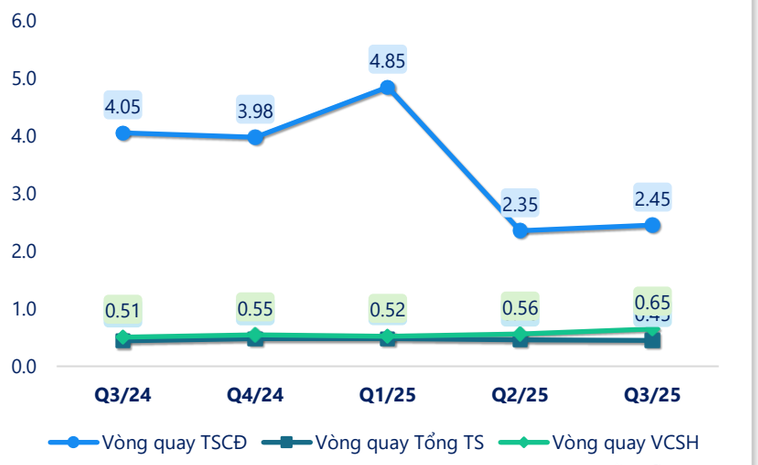
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



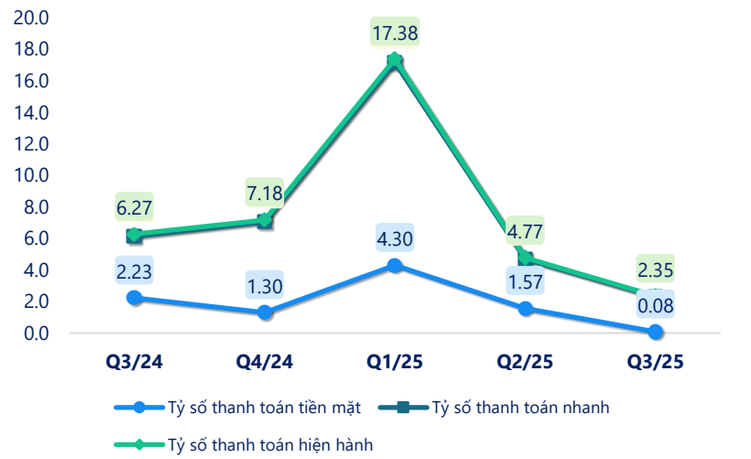
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



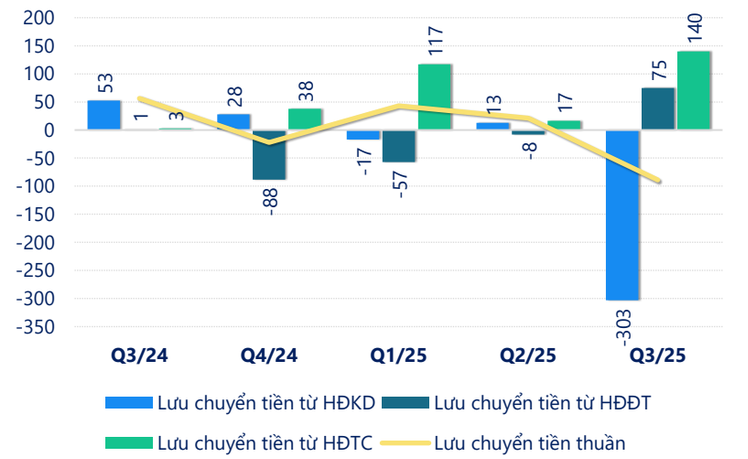
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCPA Tập đoàn Macstar (HNX: MAC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**664**	**310**	**114%**
Tài sản ngắn hạn	482	227	113%
Tiền và tương đương tiền	16.3	41.2	-60.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	380	115	230%
Phải thu ngắn hạn	69.2	63.7	8.5%
Hàng tồn kho	5.02	3.85	30.4%
Tài sản ngắn hạn khác	11.4	2.55	347%
Tài sản dài hạn	**182**	**83.6**	**118%**
Phải thu dài hạn	33.2	38.1	-13.0%
Tài sản cố định	136	33.8	302%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	9.48	9.13	3.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.90	1.20	-25.0%
Tài sản dài hạn khác	**2.63**	**1.30**	**102%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	248	45.0	451%
Nợ ngắn hạn	**205**	**33.6**	**511%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	141	1.29	10832%
Phải trả người bán ngắn hạn	43.1	9.52	352%
Nợ dài hạn	42.6	11.4	274%
Vay và nợ thuê dài hạn	42.6	11.4	274%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**416**	**265**	**57.0%**
Vốn chủ sở hữu	**416**	**265**	**57.0%**
Vốn điều lệ	227	151	50.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	34.4	40.6	42.8	53.2	72.0
Giá vốn hàng bán	31.0	34.8	37.2	47.2	66.4
Lợi nhuận gộp	3.49	5.87	5.66	5.98	5.59
Doanh thu HĐTC	10.6	5.28	9.84	23.4	45.9
Chi phí TC	0.37	-2.42	0.53	3.70	7.84
Chi phí lãi vay	0.09	0.24	0.34	0.75	3.33
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.03	0.06	0.04	0.01	0.61
Chi phí QLDN	4.45	6.52	4.71	5.99	8.51
LN thuần từ HĐKD	9.20	6.98	10.2	19.7	34.5
Lợi nhuận khác	-0.20	0.09	-0.05	-0.02	-0.52
LN trước thuế	9.00	7.06	10.2	19.7	34.0
Lợi nhuận sau thuế	7.41	5.41	7.59	16.4	27.4
LNST của CĐ cty mẹ	7.66	6.49	8.09	12.0	21.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	52.5	28.0	-16.8	12.9	-303
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.80	-88.1	-57.1	-8.28	74.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	2.98	37.9	117	16.6	140
Tiền đầu kỳ	7.17	63.5	41.2	84.0	105
Lưu chuyển tiền thuần	**56.3**	**-22.3**	**42.8**	**21.1**	**-88.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	63.5	41.2	84.0	105	16.3

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic